TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **Thành phố Hồ Chí Minh**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **392**/2016/QĐST- HNGĐ	*Tân phú, ngày 09 tháng 05 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 186, Điều 187 và Điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004, đã sửa đổi, bổ sung năm 2011;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự 2008;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 04 năm 2016 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2016.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 04 năm 2016 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà HJMJHJGHJH – sinh năm 1979 và ông HFGHFHFGHG – sinh năm 1982.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà HJMJHJGHJH – sinh năm 1979

Bị đơn: Ông HFGHFHFGHG – sinh năm 1982

Cùng địa chỉ : 337/9/2 HGHG, phường HGGH, quận HGG, Tp.GHFGHFG

3. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông HFGHFHFGHG và bà HJMJHJGHJH thuận tình ly hôn, quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 213, quyển số 01/2010, ngày 30/11/2010 của Ủy ban nhân dân phường HGG, quận HGG, Tp.HG chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung : Bà HJMJHJGHJH được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn HFGHFGH – sinh ngày 22/11/2011.

Ông HFGHFHFGHG cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Bắt đầu thực hiện từ khi án có hiệu lực thi hành cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà HJMJHJGHJH có đơn yêu cầu thi hành tiền cấp dưỡng, nếu ông HFGHFHFGHG không thi hành, thì hàng tháng ông HFGHFHFGHG phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Ông HFGHFHFGHG có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà HJMJHJGHJH cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc ông HFGHFHFGHG thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết

+ Vì cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014), Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung : Các bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : Các bên đương sự khai không có

- Về án phí : Bà HJMJHJGHJH phải nộp 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002420 ngày 06/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Hoàn trả cho bà HJMJHJGHJH số tiền còn lại theo biên lai thu tiền trên.

Ông HFGHFHFGHG phải nộp 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) tiền phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận Tân Phú;
- Chi cục THADS Quận Tân Phú;
- UBND các đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Hiển